

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HS-ST
Ngày: 08/12/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Lý Mai Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 17/2023/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; Tên gọi khác: Không ; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 19 tháng 5 năm 1966, tại: C, T, Cao Bằng; Nơi cư trú: T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 004066000324, cấp ngày: 31/03/2021, nơi cấp: Cục C3 và TTXH; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 8/12 phổ thông; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Đức K (đã chết); Con bà: Nông Thị N (đã chết); A, chị, em ruột: Bị cáo là con thứ năm trong gia đình có năm người con; Vợ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1967, nghề nghiệp: làm ruộng; Con: Bị cáo có 04 con, con thứ nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không có;

Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấp đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2023 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **Tạ Văn V**; Tên gọi khác: Không ; Giới tính: Nam; Sinh ngày 15 tháng 12 năm 1981, tại: N, P, Hà Nội; Nơi thường trú: Nhân Vực, xã N, huyện P, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 001081026169, cấp ngày: 18/12/2021, nơi cấp: Cục C3 và

TTXH; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Tạ Văn D (đã chết); Con bà: Hoàng Thị B (đã chết); A, chị, em ruột: Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có ba người con; Vợ: Triệu Thị C, sinh năm 1982, nghề nghiệp: cán bộ; Con: Bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không có;

Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấp đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2023 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: **Lý Minh H**; Tên gọi khác: Không ; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 16 tháng 8 năm 1989, tại: C, T, Cao Bằng; Nơi cư trú: T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 004089000425, cấp ngày: 31/3/2021, nơi cấp: Cục C3 và TTXH; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12 phổ thông; Chức vụ, đoàn thể: Đảng viên Đ1 (đã đình chỉ sinh hoạt đảng); Con ông: Lý Văn C1, sinh năm 1957; Con bà: Lý Thị D1, sinh năm 1961; A, chị, em ruột: Bị cáo là con thứ tư trong gia đình có bốn anh chị em; Vợ: Triệu Thị T1, sinh năm 1991, nghề nghiệp: trồng trọt; Con: Bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không có;

Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấp đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2023 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên: **Triệu Văn Đ**; Tên gọi khác: Không ; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 12 tháng 3 năm 1990, tại: C, T, Cao Bằng; Nơi cư trú: T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 004090000417, cấp ngày: 31/3/2021, nơi cấp: Cục C3 và TTXH; Nghề nghiệp: trồng trọt; Trình độ học vấn: 09/12 phổ thông; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Triệu Văn T2 (đã chết); Con bà: Chu Thị X, sinh năm 1966; A, chị, em ruột: Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có ba anh chị em; Vợ: Trịnh Thị P, sinh năm 1987, nghề nghiệp: trồng trọt; Con: Bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không có;

Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấp đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2023 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

5. Họ và tên: **Bùi Văn H1**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 04 tháng 4 năm 1986, tại: C, T, Cao Bằng; Nơi thường trú: Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nơi tạm trú: T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 037086006374, cấp ngày: 26/01/2022, nơi cấp: Cục C3 và TTXH; Nghề nghiệp:

Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12 phổ thông; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Bùi Văn T3 (đã chết); Con bà: Đinh Thị N1 (đã chết); A, chị, em ruột: Bị cáo là con thứ chín trong gia đình có mười hai anh chị em; Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không có;

Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấp đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2023 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

6. Họ và tên: **Triệu Văn H2**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 06 tháng 9 năm 1986, tại: C, T, Cao Bằng; Nơi thường trú: Nà Pò, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 004086009080, cấp ngày: 14/11/2022, nơi cấp: Cục C3 và TTXH; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12 phổ thông; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Triệu Quyết T4, sinh năm 1960; Con bà: Bế Thị N2, sinh năm 1965; A, chị, em ruột: Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có bốn anh chị em; Vợ: Triệu Thị L, sinh năm 1989, nghề nghiệp: giáo viên; Con: Bị cáo có 01 con, sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không có;

Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấp đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2023 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

7. Họ và tên: **Lâm Văn T5**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 16 tháng 12 năm 1989, tại: X, H, Cao Bằng; Nơi cư trú: T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 004089000423, cấp ngày: 31/3/2021, nơi cấp: Cục C3 và TTXH; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Lâm Văn C2, sinh năm 1965; Con bà: Trương Thị H3 (đã chết); A, chị, em ruột: Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có hai anh em; Vợ: Lý Thị P1, sinh năm 1987, nghề nghiệp: Trồng trọt; Con: Bị cáo có 01 con, sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không có;

Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấp đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2023 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

8. Họ và tên: **Hoàng Văn T6**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 01 tháng 7 năm 1993, tại: C, T, Cao Bằng; Nơi thường trú: T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 004093000525, cấp ngày: 16/04/2021, nơi cấp: Cục C3 và TTXH; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 8/12 phổ thông; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đ1 (đã đình chỉ sinh hoạt Đảng); Con ông: Hoàng Văn T7, sinh năm 1972; Con bà: Lý Thị L1, sinh năm 1975; A, chị, em ruột: Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có ba anh em; Vợ: Lương Thị V1,

sinh năm 1997, nghề nghiệp: Trồng trọt; Con: Bị cáo có 02 con, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không có;

Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấp đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2023 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

9. Họ và tên: **Triệu Văn V2**; Tên gọi khác: Không ; Giới tính: Nam; Sinh ngày 17 tháng 11 năm 1990, tại: C, T, Cao Bằng; Nơi cư trú: T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 00409000409, cấp ngày: 31/03/2021, nơi cấp: Cục C3 và TTXH; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 9/12 phổ thông; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Triệu Quyết T4, sinh năm 1960; Con bà: Bé Thị N2, sinh năm 1965; A, chị, em ruột: Bị cáo là con thứ tư trong gia đình có bốn anh chị em; Vợ: Nông Thị N3, sinh năm 1996, nghề nghiệp: Làm ruộng; Con: Bị cáo có 03 con, con thứ nhất sinh năm 2018, con thứ hai sinh năm 2020, con thứ ba sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không có;

Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấp đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2023 đến nay.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T, Triệu Văn V2, Lý Minh H, Lâm Văn T5: Bà Hà Thị H4 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn H2, Triệu Văn Đ, Hoàng Văn T6: Bà Nông Thị Thu T8 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: chị Trịnh Thị P, sinh năm 1987
Địa chỉ: T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 40 phút ngày 20/7/2023, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Hình Sự, kinh tế ma túy Công an huyện T phối hợp với Công an xã Canh Tân tuần tra tại xóm T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng phát hiện 09 (chín) bị cáo gồm: Nguyễn Văn T, Tạ Văn V, Lý Minh H, Triệu Văn Đ, Bùi Văn H1, Lâm Văn T5, Hoàng Văn T6, Triệu Văn V2 (cùng trú tại xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng) và Triệu Văn H2 (trú tại N, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng) đang có hành vi đánh bạc trái phép, bằng hình thức dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài để đánh “Liêng” thắng thua bằng tiền. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc và tạm

giữ đồ vật, tài sản gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, số tiền trên chiếu bạc là 3.090.000đ (ba triệu không trăm chín mươi nghìn đồng). Tạm giữ trên người các bị cáo tổng số tiền 20.370.000đ (hai mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng, 08 (tám) chiếc điện thoại di động, 04 (bốn) chiếc xe máy và một số giấy tờ cá nhân.

Qua quá trình điều tra xác định được: Khoảng 15 giờ ngày 20/07/2023, Tạ Văn V, Lâm Văn T5, Nguyễn Văn T sau khi đi uống rượu tại nhà Triệu Văn V2, ở xóm T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng đến nhà trọ của Tạ Văn V (thuê nhà của Triệu Văn H2) cùng xóm ngồi uống nước. Trong lúc uống nước có V, T, T5, Bùi Văn H1 (cùng ở trọ với V) thì T5 cầm ra bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài mà T5 mang theo rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền được mọi người đồng ý và ngồi đánh bạc trên chiếc phản trong phòng khách nhà trọ của V. Tiếp đó Hoàng Văn T6, Lý Minh H, Triệu Văn H2, Triệu Văn V2 và Triệu Văn Đ đến cùng tham gia đánh bạc. Hình thức đánh bạc là dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài chia mỗi người chơi 3 lá bài để cộng điểm đánh “liêng” thắng thua bằng tiền. Trước khi lên bài người chơi phải đặt cược thấp nhất là 10.000 đồng/01 ván bạc (gọi là tiền gà), ai muốn đánh thêm trong ván đó có thể “tố” từ 10.000đ (mười nghìn đồng) đến 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), người chia bài sẽ được tố đầu tiên và lần lượt tố theo vòng, người nào không tố thì úp bài xuống, bị xử thua ván đó và mất 10.000 đồng “tiền gà”. Những người theo “tố” thì cộng điểm so sánh để xác định thắng thua. Người nào có nước bài cao nhất thì thắng và được ăn cả “tiền gà” và tiền “tố” của ván đó. Thứ tự thắng được xếp từ cao xuống thấp là “Sáp” - “Liêng” - “Ảnh” - “Điểm”. Trong đó “Sáp” tức là có 03 quân bài cùng bộ, cao nhất là “A”, rồi giảm dần theo thứ tự quân bài K, Q, J, 10,... và thấp nhất là 2. “Liêng” tức là 03 quân bài của người chơi có số thứ tự liên kế nhau, nhỏ nhất là “A, 2, 3” và cao nhất là “Q, K, A”. “Ảnh” là có 03 quân bài đầu người J, Q, K mà không phải là “Sáp” hoặc “Liêng”. “Điểm” được tính là tổng 03 quân bài cộng lại. Ai có điểm cao nhất sẽ thắng. Quy ước chung, quân A bằng 1 điểm, các quân 10, J, Q, K bằng 0 điểm, các quân bài còn lại thì điểm là số ghi trên quân bài. Các bị cáo tham gia đánh bạc không nộp tiền bảo kê của việc đánh bạc cho chủ nhà hay bất kỳ một ai khác. Đến khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày, khi đang thực hiện hành vi đánh bạc thì bị tổ công tác phát hiện và lập biên bản sự việc.

Về số tiền sử dụng để đánh bạc, quá trình điều tra xác định: Triệu Văn Đ có 17.870.000đ (mười bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) trong đó 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) cơ quan Công an phát hiện và tạm giữ trên người Triệu Văn Đ là tiền của vợ Đ (Trịnh Thị P) đưa cho Đ vào ngày 18/07/2023 cầm giữ để lo viện phí cho con trai là Triệu Trịnh U đang điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh C. Đ chỉ dùng số tiền 1.370.000đ (một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) bỏ ra chiếu để đánh bạc. Tạ Văn V có 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để đánh bạc, số tiền trên người có 16.000đ (mười sáu nghìn đồng) vì là tiền lẻ và ít nên V không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Triệu Văn H2 có 100.000đ (một trăm nghìn đồng) để đánh bạc, số tiền trên người có

59.000đ (năm mươi chín nghìn đồng) Huấn để dành mua xăng xe máy về nhà, không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Lý Minh H có 1.690.000đ (một triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó H rút 100.000đ (một trăm nghìn đồng) chơi trước, số tiền phát hiện trên người của H là 1.590.000đ (một triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) là số tiền buổi sáng H cầm số tiền trên đi thay yếm xe máy nhưng khi đến tham gia đánh bạc H đã thay đổi mục đích sử dụng số tiền đó để đánh bạc. Lâm Văn T5 có 1.105.000đ (một triệu một trăm linh năm nghìn đồng) trong đó số tiền 570.000đ (năm trăm bảy mươi nghìn đồng) là tiền thắng bạc cất vào ví, số tiền còn lại Thuởng mang đi phục vụ mục đích đánh bạc. Triệu Văn V2 có 570.000đ (năm trăm bảy mươi nghìn đồng), rút 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) ra để đánh bạc trước, số tiền còn lại Vẫn để trong túi quần, mỗi ván chơi Vẫn sẽ rút tiền từ trong túi quần ra để đánh bạc. Nguyễn Văn T có 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) gồm tiền mang từ nhà đi và tiền bán rượu cho Vẫn ngày hôm đó. Thụ đã bỏ ra trên chiếu bạc số tiền là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để đánh bạc, số tiền còn lại T sẽ sử dụng vào mục đích để đánh bạc, nếu bị thua số tiền trên chiếu bạc. Hoàng Văn T6 có khoảng 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) (T6 không nhớ chính xác số tiền mang theo) và Bùi Văn H1 có 850.000đ (tám trăm năm mươi nghìn đồng) đã sử dụng vào đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc ngày 20/7/2023 bao gồm số tiền trên “chiếu bạc” và số tiền kiểm tra phát hiện trên người các bị cáo khai nhận đã sử dụng và sẽ sử dụng vào mục đích đánh bạc với tổng số tiền là 6.885.000đ (sáu triệu tám trăm tám mươi năm nghìn đồng).

Ngày 07/09/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh số tiền tạm giữ trên “chiếu bạc” và của các bị cáo đánh bạc tại Ngân hàng nông nghiệp huyện T đều là tiền do Ngân hàng N4 phát hành.

Vật chứng của vụ án:

Ngày 27/9/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại vật chứng, tài sản theo quyết định số 15/QĐ-XLVC ngày 27/9/2023, gồm:

- Trả cho Triệu Văn Đ: 01 CCCD số 004090000417 mang tên Triệu Văn Đ; 01 điện thoại di động bàn phím nhấn hiệu Nokia màu đen số IMEI 1 là 352182864583778; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe gắn máy mang số 00171 mang tên Bùi Thị Thu T9 đăng ký chiếc xe nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc với BKS 11X1-01596.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy 31 màu đen, màn hình cảm ứng; 01 CCCD số 004090000409 mang tên Triệu Văn V2 cho Triệu Văn V2.

- Trả cho Triệu Văn H2: 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng Galaxy A73 màu xanh đen, có số IMEI 352828294692130.

- Trả cho Hoàng Văn T6: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen đỏ, BKS 11B1-09485, xe đã qua sử dụng;

- Trả cho Lâm Văn T5: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave α màu vàng, BKS 11Z2-0782 xe đã qua sử dụng.

- Trả cho Lý Minh H: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave α màu đen, BKS 11B1-55622, xe đã qua sử dụng.

- Trả cho Nguyễn Văn T: 01 CCCD số 004066000324 mang tên Nguyễn Văn T; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Future màu xanh xám, BKS 11B-27561, xe đã qua sử dụng.

- Trả cho Tạ Văn V: 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 7 Plus màn hình cảm ứng số IMEI 35820081954384; 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu VSMART màu xanh than, số IMEI 354581112122271; 01 CCCD số 001081026169 mang tên Tạ Văn V.

Hiện đang tạm giữ: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài đã qua sử dụng; 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi số tiền trên chiếu bạc 3.090.000.đ (ba triệu không trăm chín mươi nghìn đồng); 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi số tiền mặt 550.000.đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) tạm giữ trên người Triệu Văn V2; 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi số tiền mặt 550.000.đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) tạm giữ trên người Nguyễn Văn T; 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi số tiền mặt 1.105.000.đ (một triệu một trăm linh năm nghìn đồng) tạm giữ trên người Lâm Văn T5; 01 phong bì niêm phong tiền mặt trước ghi số tiền mặt 16.000.đ (mười sáu nghìn đồng); 01 phong bì niêm phong tiền mặt trước ghi số tiền mặt 1.590.000.đ (một triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) tạm giữ trên người Lý Minh H; 01 phong bì niêm phong tiền mặt trước ghi số tiền mặt 59.000.đ (năm mươi chín nghìn đồng) tạm giữ trên người Triệu Văn H2; 01 phong bì niêm phong tiền mặt trước ghi số tiền mặt 16.500.000.đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) tạm giữ trên người Triệu Văn Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu đen, có số IMEI 1 theo quyết định chuyển vật chứng 865613055813616, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng do không khởi động được điện thoại nên không kiểm tra được số IMEI trong máy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A53 màu đen, màn hình cảm ứng có số IMEI 1 theo quyết định chuyển vật chứng 353842197889205/01, điện thoại đã qua sử dụng, do không khởi động được điện thoại nên không kiểm tra được số IMEI trong máy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A14 màu đen, màn hình cảm ứng có số IMEI 1 theo quyết định chuyển vật chứng 357368582538906, điện thoại đã qua sử dụng, do không khởi động được điện thoại nên không kiểm tra được số IMEI trong máy.

Số vật chứng và tài sản này hiện nay đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Trong quá trình điều tra, các bị can đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị can phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 16/CT-VKS-TA ngày 26 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, Tạ Văn V, Lý Minh H, Triệu Văn Đ, Bùi Văn H1, Triệu Văn H2, Lâm Văn T5, Hoàng Văn T6, Triệu Văn V2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án. Các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị P trình bày: Vào ngày 18/7/2023 con trai là Triệu Trinh U, sinh năm 2012 phải đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh C vì bị ruột thừa mổ cấp cứu. Đến tối ngày 18/7/2023 sau khi mổ cấp cứu xong Uy được chuyển đến giường 15 phòng 5 khoa ngoại tổng hợp của bệnh viện và nằm điều trị tại đó đến ngày 24/7/2023 thì U được ra viện. Trong lúc ở viện đông người sợ bị rơi và mất tài sản nên vào ngày 19/7/2023, chị đã đưa cho chồng là Triệu Văn Đ cầm số tiền 21.000.000 đồng và dẫn trả nợ cho anh Triệu Tràng T10, sinh năm 1984, nơi cư trú: T, C, T, cao Bằng số tiền 3.000.000 đồng. Số tiền còn lại để chi tiêu cho gia đình và giữ lại để khi cần thì mang lên để trả tiền viện phí và điều trị bệnh cho con trai. Số tiền đó là tiền tích góp của hai vợ chồng từ việc bán cây trồng. Số tiền đó tôi đưa cho anh Đ cầm về để chi tiêu cho bản thân gia đình một ít, trả nợ cho anh T10 còn lại giữ để điều trị bệnh cho con trai trả tiền viện phí và các chi phí phát sinh từ việc con trai điều trị bệnh tại bệnh viện. Chị P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại số tiền này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An giữ quyền công tố và tranh luận tại phiên tòa sau khi phân tích hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện và đề nghị:

+ Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Tạ Văn V, Lý Minh H, Triệu Văn Đ, Bùi Văn H1, Triệu Văn H2, Lâm Văn T5, Hoàng Văn T6 và Triệu Văn V2, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự

+ Về tình tiết tăng nặng: không có.

+ Đề nghị áp dụng các Điều 17, 32, 35, 50, điểm i, s khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Tạ Văn V, Lý Minh H, Triệu Văn Đ, Bùi Văn H1, Triệu Văn H2, Lâm Văn T5, Hoàng Văn T6 và Triệu Văn V2.

+ Đề nghị áp dụng các Điều 17, 32, 35, 50, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

+ Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T, Lâm Văn Thường phạt tiền, số tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Các bị cáo Tạ Văn V, Lý Minh H, Triệu Văn Đ, Bùi Văn H1, Triệu Văn H2, Hoàng Văn T6 và Triệu Văn V2 phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

+ Về xử lý vật chứng: Số tiền trên chiếu bạc và số tiền kiểm tra phát hiện trên người các bị cáo mà các bị cáo khai nhận sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.885.000.đ (sáu triệu tám trăm tám mươi năm nghìn đồng) là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Đối với bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, đây là công cụ các bị cáo sử dụng đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy. Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 03 chiếc điện thoại là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc trao đổi về việc đánh bạc ngày 20/7/2023. Số tiền không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả cho các bị cáo gồm: trả 16.000 đồng cho Tạ Văn V, 59.000 đồng cho Triệu Văn H2, 16.500.000 đồng cho Triệu Văn Đ.

+ Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Lý Minh H, Triệu Văn Đ, Triệu Văn H2, Lâm Văn T5, Hoàng Văn T6 và Triệu Văn V2 do bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Các bị cáo Tạ Văn V, Bùi Văn H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T, Triệu Văn V2, Lý Minh H, Lâm Văn T5 là bà Hà Thị H4 trình bày: Về tội danh và điều luật áp dụng: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Về nhân thân: Các bị cáo Triệu Văn V2, Lý Minh H, Lâm Văn T5 có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, ngoài lần phạm tội này các bị cáo chấp hành pháp luật và quy định của địa phương. Bị cáo Nguyễn Văn T đã được xóa án tích. Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, tự phát. Về tính tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải mong nhận sự khoan hồng của pháp luật. Hành vi của các bị cáo cấu thành tội Đánh bạc tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự có khung hình phạt cao nhất là phạt tù đến 03 năm. Do đó, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo Triệu Văn V2, Lý Minh H, Lâm Văn T5 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T có bố là Nguyễn Đức K được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, do đó đề nghị áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ những đánh giá trên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất là phạt tiền, đề nghị được hưởng mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn H2, Triệu Văn Đ, Hoàng Văn T6 là bà Nông Thị Thu T8 trình bày: Về tội danh và điều luật áp dụng: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát, hành vi đánh bạc của các bị cáo với tổng số tiền 6.885.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, tự phát. Về tính tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hành vi của các bị cáo cấu thành tội Đánh bạc tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự có khung hình phạt cao nhất là phạt tù đến 03 năm, số tiền các bị cáo đánh bạc là 6.885.000 đồng không phải quá lớn. Do đó, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo Triệu Văn H2, Triệu Văn Đ, Hoàng Văn T6 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ những đánh giá trên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất là phạt tiền, đề nghị được hưởng mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về việc miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Trong lời nói sau cùng: Các bị cáo không có ý kiến gì.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến, không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu; lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong quá trình điều tra tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, phù hợp với tang vật thu giữ; lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập, có căn cứ xác định: Ngày 20/7/2023, sau khi uống rượu ở nhà Triệu Văn V2 về, các bị cáo Tạ Văn V, Lâm Văn T5, Nguyễn Văn T ngồi uống nước tại phòng trọ của Tạ Văn V, Bùi Văn H1 (V, H1 thuê nhà của Triệu Văn H2) ở T, C, T, Cao Bằng. Khi đang ngồi uống nước T5 cầm ra bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài mà T5 mang theo và rủ mọi người chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền là dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài chia mỗi người chơi 03 lá bài để cộng

điểm đánh liêng, mọi người đồng ý. Thường, T, V, H1 ngồi đánh bạc tại phản trong phòng trọ của V ở. Sau đó T6 đến và mang đến một bộ bài mới thay cho bộ bài cũ (Thường nhờ T6 mua đến), T6 cũng tham gia đánh bạc cùng 04 người này. Một lúc sau Lý Minh H, Triệu Văn H2, Triệu Văn V2, Triệu Văn Đ đến tham gia đánh bạc cùng nhóm này. Đến 16 giờ 40 phút cùng ngày khi các bị cáo đang thực hiện hành vi đánh bạc thì bị phát hiện. Số tiền trên chiếu bạc là 3.090.000.đ (ba triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) và số tiền thu giữ trên người của 09 bị cáo là 20.370.000.đ (hai mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Căn cứ vào lời khai nhận của các bị cáo số tiền thu giữ trên người các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc ngày 20/7/2023 là 3.795.000.đ (ba triệu bảy trăm chín mươi năm nghìn đồng). Tổng số tiền trên chiếu bạc và số tiền kiểm tra phát hiện trên người các bị cáo mà các bị cáo khai nhận sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.885.000.đ (sáu triệu tám trăm tám mươi năm nghìn đồng).

Như vậy các bị cáo Nguyễn Văn T, Lâm Văn T5, Tạ Văn V, Bùi Văn H1, Hoàng Văn T6, Lý Minh H, Triệu Văn H2, Triệu Văn V2 tham gia đánh bạc bằng hình thức “đánh bài” bằng tú lơ khơ trái phép ăn thua bằng tiền trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nên hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 điều 321 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi đánh bạc của mình là gây mất trật tự an toàn xã hội, nhận thức được hậu quả của hành vi đó nhưng vì thích ăn thua, ham đỏ đen nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, tuy tính chất của vụ án do các bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo đã gây ra nhiều hệ lụy không tốt cho xã hội nên cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự và mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để nhằm giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này có 09 bị cáo, các bị cáo phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo không có sự bàn bạc, thỏa thuận từ trước về việc thực hiện tội phạm.

Vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Lâm Văn T5 là người cầm ra bộ bài tú lơ khơ và rủ V, T, H1 tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền nên bị cáo Lâm Văn T5 là người khởi xướng và có vai trò lớn nhất. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Tạ Văn V, Lý Minh H, Triệu Văn Đ, Bùi Văn H1, Triệu Văn H2, Hoàng Văn T6, Triệu Văn V2 là người trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc, tất cả đều tự nguyện tham gia đánh bạc trái phép nên các bị cáo là đồng phạm với bị cáo Lâm Văn T5 và có vai trò ngang nhau.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về nhân thân: Các bị cáo Tạ Văn V, Lý Minh H, Triệu Văn Đ, Bùi Văn H1, Triệu Văn H2, Lâm Văn T5, Hoàng Văn T6 và Triệu Văn V2 có nhân thân tốt. Bị cáo Nguyễn Văn T có 01 tiền án ngày 20/3/2015 về tội làm giả con dấu,

tài liệu của cơ quan tổ chức và 01 tiền sự ngày 20/5/2021 về hành vi đánh bạc, đã được xóa án tích.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo Tạ Văn V, Lý Minh H, Triệu Văn Đ, Bùi Văn H1, Triệu Văn H2, Lâm Văn T5, Hoàng Văn T6 và Triệu Văn V2 xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T có thái độ thành khẩn khai báo và có bố đẻ là Nguyễn Đức K được Nhà nước tặng thưởng H5, Huy chương kháng chiến nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt: Các bị cáo có nhân thân, nơi cư trú rõ ràng, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, xử phạt tiền là hình phạt chính cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và giáo dục các bị cáo, đồng thời cũng phù hợp với tính chất, đặc điểm của loại tội phạm này. Tuy nhiên, cần có sự phân hóa đối với hình phạt của các bị cáo căn cứ vào vai trò, nhân thân của bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với địa điểm nơi xảy ra đánh bạc nêu trên là nhà của Triệu Văn H2 nhưng đã cho V và H1 thuê trước thời điểm xảy ra đánh bạc, ngôi nhà này do Tạ Văn V và Bùi văn H6 ở và quản lý, H2 cũng không được hưởng lợi gì từ vụ việc đánh bạc ngày 20/7/2023. Do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện T xác định hành vi của Triệu Văn H2 không đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc quy định tại Điều 322 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của Tạ Văn V, Bùi Văn H1 tuy không trực tiếp rủ các bị cáo đánh bạc nhưng đã dùng chỗ ở trọ của mình cùng các bị cáo đánh bạc. Quá trình điều tra xác định Tạ Văn V và Bùi Văn H1 không được thu tiền phé, không cho các bị cáo thuê địa điểm đánh bạc. Do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện T xác định hành vi của Tạ văn V3, Bùi Văn H1 không đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc quy định tại Điều 322 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền trên chiếu bạc và số tiền kiểm tra phát hiện trên người các bị cáo mà các bị cáo khai nhận sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.885.000.đ (sáu triệu tám trăm tám mươi năm nghìn đồng) là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, đây là công cụ các bị cáo sử dụng đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 16.500.000.đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo Triệu Văn Đ khai rằng đây là tiền vợ đưa để lo tiền viện phí cho con trai đang điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh C. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh đối với chị Trịnh Thị P, anh Triệu Tràng T10, Bệnh viện Đa khoa tỉnh C, các lời khai đều thể hiện số tiền này là Đ cầm để trả viện phí và chi phí phát sinh khi con trai Triệu Trịnh U nằm điều trị. Do đó, số tiền 16.500.000.đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) thu giữ trên người bị cáo Triệu Văn Đ không đủ căn cứ để xác định bị cáo Đ sử dụng để đánh bạc. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Đ và gia đình, không liên quan đến việc đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Đối với số tiền 16.000.đ (mười sáu nghìn đồng) phát hiện và tạm giữ trên người bị cáo Tạ Văn V, V khai nhận đây là số tiền lẻ và ít nên không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Đối với số tiền 59.000.đ (năm mươi chín nghìn đồng) Cơ quan Công an kiểm tra phát hiện và tạm giữ trên người bị cáo Triệu Văn H2, H2 khai nhận số tiền này dùng để dành mua xăng xe máy về nhà, không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Do đó, số tiền tạm giữ trên người bị cáo V và bị cáo H2 là không có căn cứ để xác định bị cáo sử dụng để đánh bạc. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Vượng, bị cáo H2, không liên quan đến việc đánh bạc nên cần trả lại cho hai bị cáo.

- Đối với chiếc điện thoại Sam sung Galaxy A53 của bị cáo Lâm Văn T5, kiểm tra điện thoại trong mục messenger có tin nhắn từ tài khoản facebook “Hoàng L2” nhắn tin có nội dung liên quan đến đánh bạc vào ngày 20/7/2023; kiểm tra trong mục messenger có tin nhắn với tài khoản Nguyễn Văn T có nội dung “được 300” “hơn cháu”; kiểm tra trong mục messenger có tin nhắn với tài khoản Tuấn T6 có nội dung liên quan đến việc đánh bạc ngày 20/7/2023. Theo ảnh chụp màn hình thể hiện bị cáo T5 đã dùng chiếc điện thoại này để mở ứng dụng messenger để liên lạc giữa bị cáo T5 với bị cáo H, bị cáo T, bị cáo T6 về thông tin của việc đánh bạc ngày 20/7/2023. Vì vậy đây là công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với chiếc điện thoại Sam sung Galaxy A14 của bị cáo Lý Minh H, kiểm tra điện thoại phát hiện trong ứng dụng Messenger trên tài khoản Hoàng L2 có các tin nhắn trò chuyện với tài khoản “Nơi Đâu Em Đang” vào tài khoản “Tuấn T6” có nội dung liên quan đến hành vi đánh bạc ngày 20/7/2023. Theo ảnh chụp màn hình thể hiện vào ngày 20/7/2023 Nơi Đâu Đang Em nhắn cho Hoàng L2 với nội dung liên quan đến việc đánh bạc bằng hình thức đánh liêng ngày 20/7/2023. Vì vậy đây là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với chiếc điện thoại Oppo A15 của Hoàng Văn T6 kiểm tra điện thoại trong ứng dụng Messenger phát hiện tin nhắn ngày 20/7/2023 giữa tài khoản

Tuấn T6 với tài khoản Nơi Đầu Em Đang có nội dung “ra nhà vắn đi đem theo bộ bài voi, có 05 ông đang ở đây rồi, tý nữa đã em vừa đến nhà còn chưa com nướ gì, ra nhanh nhé, ra đi em”. Kiểm tra trong ứng dụng messenger phát hiện tin nhắn ngày 20/7/2023 giữa tài khoản Tuấn T6 với tài khoản Nơi Đầu Em Đang có nội dung “ra nhanh đi em, ở nhà H2, đang ra”. Kiểm tra trong ứng dụng messenger có nhiều cuộc gọi video giữa tài khoản “Tuấn T6” với tài khoản “Nhã Uyên cơ khí”. Theo xác nhận của bị cáo Hoàng Văn T6, tài khoản Tuấn T6 là của bị cáo T6, tài khoản Nơi Đầu Em Đang là của Lâm Văn T5, tài khoản Nhã U1 cơ khí là của Triệu Văn V2. Do vậy có đủ căn cứ xác định đây là chiếc điện thoại để bị cáo T6, bị cáo V2, bị cáo T5 liên lạc với nhau về việc đánh bạc ngày 20/7/2023, nên điện thoại này là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Lâm Văn T5, Lý Minh H, Triệu Văn Đ, Triệu Văn H2, Hoàng Văn T6, Triệu Văn V2 là Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Bùi Văn H1, Tạ Văn V chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1 Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 17; điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

- Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn T 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

1.2 Căn cứ khoản 1 điều 321; điều 17; điều 35; điểm i, s khoản 1 điều 51; của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố các bị cáo Lâm Văn T5, Tạ Văn V, Lý Minh H, Triệu Văn Đ, Bùi Văn H1, Triệu Văn H2, Hoàng Văn T6, Triệu Văn V2 và Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Phạt tiền bị cáo Lâm Văn T5 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)

Phạt tiền bị cáo Tạ Văn V 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Phạt tiền bị cáo Lý Minh H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Phạt tiền bị cáo Triệu Văn Đ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Phạt tiền bị cáo Bùi Văn H1 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Phạt tiền bị cáo Triệu Văn H2 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Phạt tiền bị cáo Hoàng Văn T6 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Phạt tiền bị cáo Triệu Văn V2 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài đã qua sử dụng được đựng trong phong bì niêm phong mặt trước ghi vật chứng vụ đánh bạc ngày 20/7/2023 tại T, C, T, Cao Bằng. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong cùng 04 con dấu của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 6.885.000.đ (sáu triệu tám trăm tám mươi năm nghìn đồng) là tiền trên chiếu bạc và tiền kiểm tra phát hiện trên người các bị cáo mà các bị cáo khai nhận sử dụng vào mục đích đánh bạc. Trong đó gồm:

+ 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi số tiền trên chiếu bạc 3.090.000.đ (ba triệu không trăm chín mươi nghìn đồng). Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong cùng 04 con dấu của Công an huyện T và 01 con dấu Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T.

+ 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi số tiền mặt 550.000.đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) tạm giữ trên người Triệu Văn V2. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong cùng 04 con dấu của Công an huyện T và 01 con dấu Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T.

+ 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi số tiền mặt 550.000.đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) tạm giữ trên người Nguyễn Văn T. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong cùng 04 con dấu của Công an huyện T và 01 con dấu Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T.

+ 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi số tiền mặt 1.105.000.đ (một triệu một trăm linh năm nghìn đồng) tạm giữ trên người Lâm Văn T5. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong cùng 04 con dấu của Công an huyện T và 01 con dấu Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T.

+ 01 phong bì niêm phong tiền mặt trước ghi số tiền mặt 1.590.000.đ (một triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) tạm giữ trên người Lý Minh H. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong cùng 04 con dấu của Công an huyện T và 01 con dấu Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T.

- Hoàn trả cho Tạ Văn V số tiền 16.000đ (mười sáu nghìn đồng) chứa trong 01 phong bì niêm phong tiền mặt trước ghi số tiền mặt 16.000.đ (mười sáu nghìn đồng). Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong cùng 04 con dấu của Công an huyện T và 01 con dấu Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T. Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Hoàn trả cho Triệu Văn H2 số tiền 59.000.đ (năm mươi chín nghìn đồng) chứa trong 01 phong bì niêm phong tiền mặt trước ghi số tiền mặt 59.000.đ (năm mươi chín nghìn đồng). Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong cùng 04 con dấu của Công an huyện T và 01 con dấu Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T. Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Triệu Văn Đ số tiền 16.500.000.đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) chứa trong 01 phong bì niêm phong tiền mặt trước ghi số tiền mặt 16.500.000.đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong cùng 04 con dấu của Công an huyện T và 01 con dấu Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T. Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu đen, có số IMEI 1 theo quyết định chuyển vật chứng 865613055813616, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng do không khởi động được điện thoại nên không kiểm tra được số IMEI trong máy.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A53 màu đen, màn hình cảm ứng có số IMEI 1 theo quyết định chuyển vật chứng 353842197889205/01, điện thoại đã qua sử dụng, do không khởi động được điện thoại nên không kiểm tra được số IMEI trong máy.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A14 màu đen, màn hình cảm ứng có số IMEI 1 theo quyết định chuyển vật chứng 357368582538906, điện thoại đã qua sử dụng, do không khởi động được điện thoại nên không kiểm tra được số IMEI trong máy.

Vật chứng và tài sản đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 01 ngày 27/10/2023.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Lý Minh H, Triệu Văn Đ, Triệu Văn H2, Lâm Văn T5, Hoàng Văn T6 và Triệu Văn V2.

Bị cáo Bùi Văn H1 và Tạ Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần

bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga

Mã Hồng Nhung

Nguyễn Thị Hằng

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát ND H. Thạch An;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Cao Bằng;
- Công an H. Thạch An;
- Chi cục THADS H. Thạch An;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- UBND xã Canh Tân và Quý Quân;
- Huyện ủy Thạch An;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Hồng Nhung

